

Số: 14 /2007/NQ-HĐND

Vũng Tàu, ngày 02 tháng 08 năm 2007



NGHỊ QUYẾT

Về việc ban hành chế độ thu Phí sử dụng cảng cá trên địa bàn tỉnh

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH BÀ RỊA – VŨNG TÀU KHÓA IV KỲ HỌP THỨ 8

Căn cứ Luật Tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân năm 2003;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật của Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân năm 2004;

Căn cứ Pháp lệnh phí và lệ phí số 38/2001/PL-UBTVQH10 ngày 28/08/2001;

Căn cứ Nghị định số 24/2006/NĐ-CP ngày 06/03/2006 của Chính phủ sửa đổi bổ sung một số điều của Nghị định số 57/2002/NĐ-CP ngày 03/06/2002 quy định chi tiết thi hành Pháp lệnh phí và lệ phí; Thông tư số 97/2006/TT-BTC ngày 16/10/2006 của Bộ Tài chính, Hướng dẫn về phí và lệ phí thuộc thẩm quyền quyết định của Hội đồng nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương;

Sau khi xem xét Tờ trình số: 4502/TTr-UBND ngày 18/7/2007 của UBND Tỉnh về việc ban hành chế độ thu Phí sử dụng cảng cá trên địa bàn tỉnh; Báo cáo thẩm tra của Ban Kinh tế - Ngân sách HĐND tỉnh số 28/BC-KTNS ngày 28/7/2007 và ý kiến của Đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh Khóa IV tại Kỳ họp,

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Nay phê chuẩn việc ban hành chế độ thu Phí sử dụng cảng cá trên địa bàn tỉnh (cụ thể có phụ lục đính kèm theo).

Điều 2. Giao cho Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức thực hiện chế độ thu Phí sử dụng cảng cá trên địa bàn tỉnh theo Nghị quyết này và quy định chung của Thông tư số 97/2006/TT-BTC ngày 16/10/2006 của Bộ Tài chính.

Điều 3. Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu Khoá IV, Kỳ họp lần thứ 8, thông qua ngày 02 tháng 8 năm 2007, có hiệu lực thi hành sau 10 ngày kể từ ngày HĐND tỉnh thông qua ./.

**KT/CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Nơi nhận:

- Văn phòng Quốc hội;
- Văn phòng Chủ tịch nước;
- Văn phòng Chính phủ;
- Bộ Tài chính (Vụ Pháp chế);
- Bộ Tư pháp (Cục KTVB);
- Ban Thường vụ tỉnh ủy;
- TT.HĐND, UBND, UBMTTQ tỉnh;
- Đoàn Đại biểu Quốc hội tỉnh;
- Các sở, ban, ngành, đoàn thể trong tỉnh;
- TT.HĐND và UBND các huyện, thị xã, thành phố thuộc tỉnh;
- Website Chính phủ;
- Trung tâm Công báo tỉnh;
- Báo BR-VT, Đài PT-TH tỉnh;
- Lưu.



Nguyễn Thị Hồng Xinh

[D/KTNS/NQ8.C1]

PHỤ LỤC

(Kèm theo Nghị quyết số: 14 /2007/NQ-HĐND ngày 02 tháng 8 năm 2007)



1. Mức thu và đối tượng thu Phí sử dụng cảng cá:

1.1 Đối tượng thu:

Đối tượng thu phí sử dụng cảng cá là: Các tổ chức, cá nhân có hàng hoá, phương tiện sử dụng tại cảng cá.

1.2- Mức thu:

| TT | Nội dung thu | Đơn vị tính | Mức thu |
|----------|--|---------------|---------|
| A | Cảng cá tại huyện Côn đảo. | | |
| 1 | Tàu, thuyền đánh cá cập cảng | Lần vào ra | |
| | + Có công suất từ 06 đến 12 CV | Nhưng không | 5.000đ |
| | + Có công suất từ 13 đến 30 CV | Quá một | 10.000đ |
| | + Có công suất từ 31 đến 90 CV | Ngày/đêm | 15.000đ |
| | + Có công suất từ 91 đến 200 CV | | 20.000đ |
| | + Có công suất lớn hơn 200 CV | | 30.000đ |
| 2 | Tàu, thuyền vận tải hành khách, hàng hoá cập cảng. | Lần vào ra | |
| | + Có trọng tải dưới 05 tấn | Nhưng không | 10.000đ |
| | + Có trọng tải từ 05 tấn đến 10 tấn | Quá một | 15.000đ |
| | + Có trọng tải trên 10 tấn đến 100 tấn | Ngày/đêm | |
| | Có trọng tải trên 10 tấn đến 30 tấn | | 20.000đ |
| | Có trọng tải trên 30 tấn đến 50 tấn | | 30.000đ |
| | Có trọng tải trên 50 tấn đến 80 tấn | | 40.000đ |
| | Có trọng tải trên 80 tấn đến 100 tấn | | 50.000đ |
| | + Có trọng tải trên 100 tấn | | 80.000đ |
| 3 | Phương tiện vận tải trên bộ ra, vào cảng. | đ/lần ra, vào | |
| | Xe máy, xe ba gác máy | | 1.000đ |
| | Phương tiện vận tải dưới 01 tấn | | 3.000đ |
| | Phương tiện vận tải từ 01 tấn đến 2,5 tấn. | | 5.000đ |
| | Phương tiện vận tải trên 2,5 tấn đến 05 tấn. | | 10.000đ |
| | Phương tiện vận tải từ 05 tấn đến 10tấn. | | 15.000đ |
| | Phương tiện vận tải trên 10 tấn. | | 25.000đ |
| 4 | Hàng hoá qua cảng | | |
| | - Hàng thuỷ, hải sản, động vật sống | đ/tấn | 10.000đ |
| | - Hàng hoá là Container | đ/container | |
| | + Hàng hoá là Container 20 feet | đ/container | 14.000đ |
| | + Hàng hoá là Container 40 feet | đ/container | 28.000đ |
| | + Hàng hoá là Container trên 40 feet | đ/container | 35.000đ |
| | - Hàng hoá khác(bao gồm cả hàng hoá là nước đá cây...v.v). | đ/tấn | 4.000đ |
| B | Cảng cá tại các huyện, thị, thành phố (trừ Côn đảo) | | |
| 1 | Tàu, thuyền đánh cá cập cảng | Lần vào ra | |
| | + Có công suất từ 06 đến 12 CV | Nhưng không | 5.000đ |

| | | | |
|---|--|---|---------|
| | + Có công suất từ 13 đến 30 CV | Quá một Ngày/đêm | 10.000đ |
| | + Có công suất từ 31 đến 90 CV | | 20.000đ |
| | + Có công suất từ 91 đến 200 CV | | 30.000đ |
| | + Có công suất lớn hơn 200 CV | | 50.000đ |
| 2 | Tàu, thuyền vận tải hành khách, hàng hoá cập cảng. | Lên vào ra Nhưng không Quá một Ngày/đêm | |
| | + Có trọng tải dưới 05 tấn | | 10.000đ |
| | + Có trọng tải từ 05 tấn đến 10 tấn | | 15.000đ |
| | + Có trọng tải trên 10 tấn đến 100 tấn | | |
| | Có trọng tải trên 10 tấn đến 30 tấn | | 20.000đ |
| | Có trọng tải trên 30 tấn đến 50 tấn | | 30.000đ |
| | Có trọng tải trên 50 tấn đến 80 tấn | | 40.000đ |
| | Có trọng tải trên 80 tấn đến 100 tấn | | 50.000đ |
| | + Có trọng tải trên 100 tấn | | 80.000đ |
| 3 | Phương tiện vận tải trên bộ ra, vào cảng. | đ/lần ra,vào | |
| | Xe máy,xe ba gác máy | | 1.000đ |
| | Phương tiện vận tải dưới 01 tấn | | 5.000đ |
| | Phương tiện vận tải từ 01 tấn đến 2,5 tấn. | | 10.000đ |
| | Phương tiện vận tải trên 2,5 tấn đến 05 tấn. | | 15.000đ |
| | Phương tiện vận tải từ 05 tấn đến 10tấn. | | 20.000đ |
| | Phương tiện vận tải trên 10 tấn. | | 25.000đ |
| 4 | Hàng hoá qua cảng | | |
| | - Hàng thuỷ, hải sản, động vật sống. | đ/tấn | 10.000đ |
| | - Hàng hoá là Container | đ/container | |
| | + Hàng hoá là Container 20 feet | đ/container | 14.000đ |
| | + Hàng hoá là Container 40 feet | đ/container | 28.000đ |
| | + Hàng hoá là Container trên 40 feet | đ/container | 35.000đ |
| | - Hàng hoá khác(bao gồm cả hàng hoá là nước đá cây...v.v). | đ/tấn | 4.000đ |

2. Thu, quản lý và sử dụng tiền Phí sử dụng cảng cá:

Các tổ chức, cá nhân được giao nhiệm vụ thu Phí sử dụng cảng cá phải thực hiện các quy định của Nhà nước về quản lý thu, nộp, sử dụng phí và lệ phí.

2.1- Đối với các cảng cá thuộc Ngân sách nhà nước đầu tư và chưa chuyển giao cho tổ chức, cá nhân là phí thuộc ngân sách nhà nước; tổ chức, cá nhân được giao nhiệm vụ thu phí được để lại một phần số phí thu được để chi theo chế độ quy định. Cụ thể:

+ Đối với các cảng cá thuộc địa bàn huyện Côn đảo được để lại: 80% trên tổng số phí thu được.

+ Đối với địa bàn các Huyện,Thị,Thành phố còn lại, được để lại: 75% trên tổng số phí thu được.

2.2. Đối với các cảng cá không do nhà nước đầu tư hoặc do nhà nước đầu tư nhưng đã chuyển giao cho các tổ chức, cá nhân thực hiện theo nguyên tắc hạch toán là khoản thu không thuộc ngân sách nhà nước. Tổ chức, cá nhân thu phí có quyền quản lý và sử dụng số tiền phí thu được và phải nộp thuế theo quy định.